

ĐỜI SỐNG – TƯ LIỆU KHOA HỌC

Hội thảo khoa học: Bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc Mường thời kỳ đổi mới, hội nhập

Trong khuôn khổ *Ngày hội văn hoá dân tộc Mường lần thứ nhất - 2007*, ngày 15/12/2007, tại Hoà Bình, Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình cùng phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc Mường thời kỳ đổi mới, hội nhập”.

Tham dự Hội thảo có đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, đồng chí Quách Thế Tản, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình, đại diện lãnh đạo các sở văn hoá - thông tin, trung tâm văn hoá - thể thao nhiều tỉnh có người Mường sinh sống và đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu văn hoá dân tộc Mường.

Với dân số hơn một triệu người, đồng bào Mường cư trú chủ yếu ở các tỉnh Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Ninh Bình, Hà Nam, Hà Tây, Phú Thọ, Sơn La, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Kon Tum... Văn hoá công chiêng, văn hoá rượu cần, văn hoá nhà sàn và hệ thống sử thi, truyện thơ Mường, hoa văn Mường... là những di sản văn hoá đồ sộ về số lượng, phong phú về loại hình được truyền từ đời này sang đời khác, trở thành những dấu ấn nhân văn đậm nét.

Tại Hội thảo, các đại biểu cùng thống nhất với ý kiến, đối với không chỉ dân tộc Mường mà với cả các dân tộc khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, việc bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá truyền thống, tiếp thu có chọn lọc những nét mới của văn hoá các dân tộc anh em là quan trọng. Mục tiêu bảo tồn là để góp

phần xây dựng đời sống văn hoá, phòng chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ hủ tục lạc hậu trong đời sống của đồng bào Mường hiện nay để phát huy hiệu quả những giá trị văn hoá truyền thống trong thời kỳ mới của đất nước.

Công tác bảo tồn văn hoá vật thể, phi vật thể dân tộc Mường phải được nhìn nhận, đánh giá một cách nghiêm túc. Các yếu tố văn hoá bao gồm ăn, ở, mặc, giao lưu, nghệ thuật truyền thống, tri thức dân tộc, kể cả những yếu tố tâm linh, thần bí mà khoa học đương đại chưa thể lý giải. Các giá trị văn hoá truyền thống cũng phải được khảo sát, sưu tầm, nghiên cứu, tổng kết và phải lần lượt được trả lại đời sống cộng đồng thông qua giao lưu văn hoá, hoạt động văn hoá. Việc bảo tồn văn hoá phải gắn với phát triển trong sự hài hoà tổng thể và gắn với công cuộc xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế – xã hội của các vùng đồng bào Mường cư trú, đặc biệt các vùng tái định cư, di dân, những vùng cư trú mới.

Các đại biểu nhất trí đề xuất một số kiến nghị nhằm bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc Mường thời kỳ đổi mới, hội nhập:

- Cần đưa việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá dân tộc Mường vào chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, mục tiêu quốc gia về du lịch có tầm chiến lược để huy động sức mạnh các ngành, các cấp trung ương, địa phương và cơ sở cùng tham gia; cần có sự phân cấp trách nhiệm nghiên cứu, bảo tồn bằng các hình thức phù hợp để phục vụ nội dung xây dựng đời sống văn hóa;...

- Cần sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, mà mũi nhọn là

nhà văn hoá thôn bản, đặc biệt phải phát huy tác dụng của văn nghệ quần chúng, thông tin cổ động, chiếu bóng lưu động, thể thao quần chúng, du lịch nhà dân, thư viện công cộng để đưa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá thông tin trong vùng đồng bào Mường.

- Cần sớm quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hoá, thể thao và du lịch người dân tộc Mường; điều tra khảo sát sử dụng, khai thác, phát huy vai trò của nghệ nhân dân tộc Mường; tạo điều kiện để nghệ nhân dân tộc Mường dạy nghề, truyền nghiệp cho thế hệ trẻ; quan tâm nhiều hơn đến việc cử tuyển con em dân tộc Mường vào học các trường văn hoá, thể thao và du lịch để có hướng lâu dài cho sự phát triển.

- Giáo dục ý thức bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào trong các hoạt động văn hóa ở cơ sở; gắn các hoạt động xã hội, các hoạt động về xây dựng nếp sống văn hóa mới với các hoạt động lễ hội, sinh hoạt văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào.

- Tăng cường tiếp xúc, giao lưu thông qua các hoạt động văn hóa giữa đồng bào người Mường với đồng bào các dân tộc khác để nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

HÒA AN

Hội thảo khoa học: Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế – thực tiễn vùng mỏ Quảng Ninh

Ngày 10/12/2007, tại Quảng Ninh, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tỉnh uỷ Quảng Ninh và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề *Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt*

Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế - thực tiễn vùng mỏ Quảng Ninh. Hội thảo được vinh dự đón Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đến phát biểu ý kiến. Tham dự Hội thảo có đại diện cán bộ lãnh đạo các cơ quan ban, ngành của trung ương và địa phương, Tỉnh uỷ Quảng Ninh và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam, các nhà quản lý, các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu.

Các báo cáo gửi tới Hội thảo tập trung vào 5 nhóm vấn đề chính, là Tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp công nhân (GCCN) và vị thế GCCN trong thời kỳ mới; GCCN hiện nay – một số vấn đề đặt ra; Công nhân Vùng mỏ Quảng Ninh – Góc nhìn từ thực tiễn; Xây dựng GCCN vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; và Kinh nghiệm của nước ngoài về xây dựng và phát triển GCCN.

Nhằm làm rõ hơn những vấn đề đang đặt ra, các rào cản, vướng mắc trong việc phát triển GCCN Việt Nam nói chung và công nhân Vùng mỏ Quảng Ninh nói riêng, để GCCN Việt Nam đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp phát triển đất nước và luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong của cách mạng, tại Hội thảo, các đại biểu đã thảo luận, trao đổi ý kiến về một số nội dung như:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn để khẳng định vị thế của GCCN Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Những yêu cầu mới đối với GCCN trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng; hoạt động của Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội đối với việc phát triển GCCN trong điều kiện mới;

- Tổng kết thực tiễn, đánh giá một cách toàn diện và khách quan về tình hình đời sống, điều kiện ăn ở, việc làm của công nhân, đặc biệt là ở các vùng mỏ nhằm đưa ra các giải pháp đáp ứng những nhu cầu đó, tiến tới cải thiện căn

bản đời sống của công nhân;

- Những vấn đề cần quan tâm, giải quyết nhằm bảo đảm lợi ích của công nhân hiện nay, như quyền làm chủ, điều kiện làm việc và các lợi ích khác, đặc biệt là trong các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá;

- Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ công nhân để xứng đáng với vị thế tiên phong của mình, đáp ứng nhu cầu phong phú và ngày càng cao về chuyên môn kỹ thuật của lực lượng công nhân hiện đại;

- Các giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa các ngành và vùng, giữa các địa phương với nhau trong sự nghiệp xây dựng và phát triển GCCN

Việt Nam trong bối cảnh mới.

Kết thúc hội thảo, các đại biểu nhất trí cho rằng GCCN Việt Nam là giai cấp luôn đi tiên phong trong mọi thời kỳ lịch sử của cách mạng Việt Nam. Trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, GCCN Việt Nam ngày càng giữ vị trí quan trọng hơn. Xây dựng và phát triển GCCN Việt Nam là xây dựng, phát triển nguồn động lực mọi mặt, tạo chỗ dựa vững chắc nhất, sự ủng hộ mạnh mẽ nhất của Đảng; Cần phải có nhiều giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam vững mạnh, trí tuệ, hoàn thành trọng trách của mình trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

HIỀN LY

(tiếp theo trang 62)

NGUYỄN DUY DŨNG (chủ biên). **Kinh nghiệm giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc của Nhật Bản**. H.: Khoa học xã hội, 2007, 235 tr., Vb 45335.

Cuốn sách tập trung phân tích các chính sách của Chính phủ Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay, làm rõ những thành công, hạn chế và những kinh nghiệm của họ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội nóng bỏng mà Nhật Bản phải đối mặt để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam.

Cuốn sách gồm ba chương chính.

Chương I, tác giả *khái quát những biến đổi xã hội chủ yếu của Nhật Bản từ năm 1990 đến nay*, từ đó làm rõ những nội dung cơ bản của các vấn đề xã hội ở giai đoạn này. Tác giả xem xét những biến đổi đó trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa... không chỉ hiện tại mà còn so sánh với các giai đoạn trước. Trên cơ sở đó chỉ ra những quy luật có tính phổ biến cũng như những nét đặc thù trong quá trình chuyển đổi từ

xã hội hậu công nghiệp sang xã hội thông tin với nền kinh tế thị trường ở mức độ cao như Nhật Bản hiện nay.

Chương II *tập trung phân tích các chính sách của Chính phủ Nhật Bản để giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc* chủ yếu trên các lĩnh vực: chính sách giáo dục; chính sách dân số và việc làm; chính sách gia đình và phụ nữ; mở rộng, điều chỉnh và hoàn thành các chính sách bảo đảm xã hội.

Chương III *nêu lên những kinh nghiệm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội Nhật Bản* như coi trọng những tác động khách quan của bối cảnh quốc tế và trong nước, chính sách xã hội không thể tách rời điều kiện chung, nhất là kinh tế, vấn đề đầu tư tài chính và đào tạo nhân lực, tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm của các nước và Nhật Bản trong lĩnh vực này... Đồng thời nêu lên một số dự báo chủ yếu về những vấn đề xã hội bức xúc của Nhật Bản trong thời gian tới trên một số nội dung dân số, hệ thống bảo đảm xã hội, người già và giáo dục.

HÀ CHI